

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN-LẦN 2
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025
(ÁP DỤNG CHO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH)

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Kế toán quản trị		
Mã học phần:	71ACCT30042	Số tin chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	241-71ACCT30042-01,02,03,04,05		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☒ Có	☐ Không	

Cách thức nộp bài phần tự luận: Upload file bài làm (word, excel, pdf...);

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Phân loại được các loại chi phí trong doanh nghiệp phục vụ cho việc ra quyết định kế toán quản trị	Trắc Nghiệm	25%	Câu 6,7,8,9,10	0.35đ/câu (tổng điểm 5 câu là 1.75)	PI3.2
CLO2	Vận dụng mối quan hệ giữa chi phí- khối lượng- lợi nhuận vào từng trường hợp cụ thể.	Trắc Nghiệm	10%	Câu 11,12,13,14,15	0.35đ/câu (tổng điểm 5 câu là 1.75)	PI3.2
CLO3	Lập được báo cáo kết quả kinh doanh dưới dạng số dư đảm phí, báo cáo về dự toán ngân sách phục vụ ra quyết định quản	Trắc Nghiệm	20%	Câu 16,17,18,19,20	0.35đ/câu (tổng điểm 5 câu là 1.75)	PI8.2
		Tự luận	30%	Câu 21 mục a,b	2 điểm	PI8.2

	trị một cách độc lập.					
CLO4	Sử dụng kỹ năng phân tích thông tin định tính và định lượng hỗ trợ việc ra quyết định	Trắc Nghiệm	5%	Câu 1,2,3,4,5	0.35đ/câu (tổng điểm 5 câu là 1.75)	PI8.1
		Tự luận	10%	Câu 21 mục c	1điểm	

PHẦN TRẮC NGHIỆM - 20 câu, mỗi câu 0.35 điểm (7,0 điểm)

Câu 1: random 1 trong 2 câu sau

Kế toán quản trị chủ yếu phục vụ đối tượng nào?

- A. Các nhà quản lý nội bộ
- B. Các cơ quan quản lý thuế
- C. Các nhà đầu tư, chủ nợ và cơ quan quản lý
- D. Nhân viên công ty khác

ANSWER: A

Báo cáo kế toán quản trị thường được lập:

- A. Theo yêu cầu của nhà quản lý
- B. Hằng ngày
- C. Định kỳ (theo quý hoặc năm)
- D. Khi có yêu cầu của kiểm toán

ANSWER: A

Câu 2: random 1 trong 2 câu sau

Chức năng chính của kế toán quản trị là:

- A. Xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh
- B. Lập báo cáo tài chính cho các nhà đầu tư
- C. Đảm bảo tuân thủ các chuẩn mực kế toán
- D. Đánh giá khả năng cho vay

ANSWER: A

Vai trò chính của kế toán quản trị là:

- A. Hỗ trợ ra quyết định và kiểm soát chi phí
- B. Đánh giá các hoạt động của đối thủ cạnh tranh
- C. Phân tích báo cáo tài chính để vay vốn
- D. Cung cấp thông tin cho bên ngoài doanh nghiệp

ANSWER: A

Câu 3: random 1 trong 2 câu sau

Sơ đồ tổ chức giúp:

- A. Phân công nhiệm vụ và quyền hạn rõ ràng giữa các bộ phận
- B. Xây dựng chiến lược dài hạn
- C. Giảm thiểu chi phí sản xuất
- D. Tạo báo cáo tài chính minh bạch hơn

ANSWER: A

Đặc điểm chính của kế toán quản trị là:

- A. Thông tin phục vụ quyết định quản lý nội bộ
- B. Thông tin mang tính pháp lý
- C. Lập báo cáo tài chính cho cổ đông
- D. Cung cấp thông tin lịch sử cho nhà đầu tư

ANSWER: A

Câu 4: random 1 trong 2 câu sau

Để kiểm soát chi phí hiệu quả, kế toán quản trị cần:

- A. So sánh chi phí thực tế với dự toán
- B. Phân tích tình hình tài sản cố định
- C. Phân bổ lợi nhuận cho cổ đông
- D. Tính toán thuế thu nhập doanh nghiệp

ANSWER: A

Một ví dụ về công việc của kế toán quản trị là:

- A. Phân tích điểm hòa vốn của sản phẩm
- B. Kiểm toán tài chính năm
- C. Báo cáo lợi nhuận sau thuế
- D. Lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ

ANSWER: A

Câu 5: random 1 trong 2 câu sau

Báo cáo của kế toán quản trị thường có thời gian:

- A. Tùy thuộc vào nhu cầu của nhà quản lý
- B. Theo quý và năm
- C. Theo luật định
- D. Hằng năm

ANSWER: A

Chức năng nào sau đây là của kế toán tài chính?

- A. Ghi chép giao dịch và lập báo cáo tài chính
- B. Lập báo cáo nội bộ
- C. Dự toán chi phí sản xuất
- D. Kiểm soát chi phí các bộ phận.

ANSWER: A

Câu 6: random 1 trong 2 câu sau

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là:

- A. Chi phí liên quan trực tiếp đến sản xuất sản phẩm
- B. Chi phí liên quan đến quản lý doanh nghiệp
- C. Chi phí không ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm
- D. Chi phí phát sinh ngoài sản xuất

ANSWER: A

Chi phí nhân công trực tiếp thường bao gồm:

- A. Lương công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm
- B. Chi phí thuê ngoài tư vấn
- C. Lương của kế toán trưởng
- D. Lãi vay ngân hàng

ANSWER: A

Câu 7: random 1 trong 2 câu sau

Ví dụ nào sau đây là chi phí thời kỳ?

- A. Chi phí quảng cáo sản phẩm
- B. Chi phí khấu hao máy móc sản xuất
- C. Chi phí nguyên vật liệu
- D. Chi phí lắp đặt dây chuyền sản xuất

ANSWER: A

Biến phí thay đổi theo:

- A. Sản lượng sản xuất hoặc bán ra
- B. Thời gian quản lý
- C. Khấu hao tài sản cố định
- D. Tỷ lệ lạm phát

ANSWER: A

Câu 8: random 1 trong 2 câu sau

Chi phí hỗn hợp bao gồm:

- A. Phần cố định và phần biến đổi tùy theo mức độ hoạt động
- B. Chỉ phần biến đổi
- C. Chỉ phần cố định
- D. Các khoản vay dài hạn

ANSWER: A

Chi phí cơ hội là:

- A. Giá trị của cơ hội bị bỏ lỡ khi chọn phương án khác
- B. Chi phí phát sinh trong tương lai
- C. Chi phí liên quan đến nguyên vật liệu dự trữ
- D. Chi phí trả lãi vay ngân hàng

ANSWER: A

Câu 9: random 1 trong 2 câu sau

Nếu định phí là 100.000.000 đồng và biến phí đơn vị là 50.000 đồng/sản phẩm, tổng chi phí cho 1.000 sản phẩm là bao nhiêu

- A. 150.000.000 đồng
- B. 200.000.000 đồng
- C. 50.000.000 đồng
- D. 100.000.000 đồng

ANSWER: A

Nếu định phí là 50.000.000 đồng và biến phí đơn vị là 10.000 đồng/sản phẩm, tổng chi phí cho 1.000 sản phẩm là bao nhiêu

- A. 60.000.000 đồng
- B. 150.000.000 đồng
- C. 50.000.000 đồng
- D. 100.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 10: random 1 trong 2 câu sau

Doanh nghiệp phát sinh chi phí hỗn hợp 500.000.000 đồng trong tháng 1. Chi phí này bao gồm 200.000.000 đồng định phí và biến phí đơn vị 60.000 đồng/sản phẩm. Nếu sản lượng sản xuất tháng 1 là 5.000 sản phẩm, tổng biến phí của doanh nghiệp là:

- A. 300.000.000 đồng
- B. 200.000.000 đồng
- C. 400.000.000 đồng
- D. 500.000.000 đồng

ANSWER: A

Công ty A có thông tin về số giờ máy hoạt động và chi phí bảo trì máy móc thiết bị trong bốn tháng đầu năm 2024 như sau

Đvt: đồng		
Tháng	Số giờ máy	Chi phí bảo trì
1	3.000	16.000.000
2	2.200	13.500.000
3	2.900	15.780.000
4	3.800	18.600.000

Phương trình chi phí hỗn hợp thể hiện mối quan hệ giữa số giờ máy hoạt động và chi phí bảo trì máy móc thiết bị theo phương pháp cực đại cực tiểu là

- A. $Y = 3.187,5 \cdot X + 6.487.500$
- B. $Y = 3.187,5 \cdot X + 6.587.500$
- C. $Y = 3.187,5 \cdot X + 6.687.500$
- D. $Y = 3.187,5 \cdot X + 6.387.500$

ANSWER: A

Câu 11: random 1 trong 2 câu sau

Nếu doanh thu dự kiến giảm xuống dưới mức hòa vốn, doanh nghiệp nên thực hiện biện pháp nào:

- A. Cắt giảm định phí hoặc tăng giá bán
- B. Tăng biến phí
- C. Không thực hiện bất kỳ thay đổi nào
- D. Giảm sản lượng

ANSWER: A

Đòn bẩy kinh doanh phản ánh điều gì?

- A. Ảnh hưởng của thay đổi sản lượng hoặc doanh thu đến lợi nhuận
- B. Mức độ phân bổ biến phí
- C. Tốc độ tăng trưởng thị trường
- D. Phân phối lợi nhuận cho cổ đông

ANSWER: A

Câu 12: random 1 trong 2 câu sau

Điểm hòa vốn là gì?

- A. Mức sản lượng mà tại đó doanh thu bằng tổng chi phí
- B. Mức sản lượng tạo ra lợi nhuận tối đa
- C. Mức sản lượng tại đó định phí bằng biến phí
- D. Mức sản lượng để đạt mục tiêu lợi nhuận

ANSWER: A

Sản lượng hòa vốn được xác định bằng công thức:

- A. định phí / (Giá bán - biến phí đơn vị)
- B. Tổng chi phí / Giá bán
- C. Lợi nhuận / Số dư đảm phí
- D. Giá bán x Số lượng sản phẩm

ANSWER: A

Câu 13: random 1 trong 2 câu sau

Nếu giá bán, định phí và biến phí đều tăng, điều gì sẽ xảy ra?

- A. Sản lượng hòa vốn có thể tăng hoặc giảm tùy vào mức độ thay đổi
- B. Sản lượng hòa vốn giảm xuống
- C. Tỷ lệ số dư đảm phí sẽ giảm
- D. định phí trở thành chi phí chìm

ANSWER: A

Số dư an toàn thể hiện:

- A. Mức độ doanh thu vượt trên điểm hòa vốn
- B. Tỷ lệ số dư đảm phí
- C. Doanh thu tối thiểu để không lỗ
- D. Mức sản lượng tối ưu

ANSWER: A

Câu 14: random 1 trong 2 câu sau

Nếu định phí là 200.000.000 đồng, giá bán sản phẩm là 50.000 đồng/ sản phẩm, và biến phí trên mỗi sản phẩm là 30.000 đồng/ sản phẩm, sản lượng hòa vốn là:

- A. 10.000 sản phẩm
- B. 5.000 sản phẩm
- C. 8.000 sản phẩm
- D. 12.000 sản phẩm

ANSWER: A

Nếu doanh thu hòa vốn là 500.000.000 đồng và tỷ lệ số dư đảm phí là 40%, định phí là bao nhiêu?

- A. 200.000.000 đồng

- B. 250.000.000 đồng
 C. 300.000.000 đồng
 D. 400.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 15: random 1 trong 2 câu sau

Số liệu về tình hình doanh thu tiêu thụ dự kiến các tháng trong năm 2023 tại Công ty ABC như sau:

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Tổng	Đơn vị	Tỷ lệ
Doanh thu (1.000 xe đạp)	3.000.000.000	3.000.000	100%
Biến phí	1.500.000.000	1.500.000	50%
Số dư đảm phí	1.500.000.000	1.500.000	50%
Định phí	600.000.000		
Lợi nhuận	900.000.000		

Công ty ABC dự kiến tăng lương bộ phận marketing thêm 50.000.000 đồng/tháng, giảm tiền thuê mặt bằng 30.000.000 đồng/tháng, đồng thời thay đổi cơ cấu lương công nhân từ trả cố định 200.000.000/tháng sang trả theo sản phẩm 200.000 đồng/sp, kết hợp với tăng chi phí quảng cáo thêm 70.000.000 đồng/tháng, điều này làm sản lượng tiêu thụ dự kiến tăng 20%. Nếu thực hiện chính sách trên sẽ làm lợi nhuận công ty ABC thay đổi như thế nào so với ban đầu.

- A. Tăng 170.000.000 đồng
 B. Giảm 170.000.000 đồng
 C. Tăng 60.000.000 đồng
 D. Giảm 60.000.000 đồng

ANSWER: A

Số liệu về tình hình doanh thu tiêu thụ dự kiến các tháng trong năm 2023 tại Công ty ABC như sau:

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Tổng	Đơn vị	Tỷ lệ
Doanh thu (1.000 xe đạp)	3.000.000.000	3.000.000	100%
Biến phí	1.500.000.000	1.500.000	50%
Số dư đảm phí	1.500.000.000	1.500.000	50%
Định phí	600.000.000		
Lợi nhuận	900.000.000		

Công ty ABC dự kiến tăng lương bộ phận marketing thêm 80.000.000 đồng/tháng, giảm tiền thuê mặt bằng 50.000.000 đồng/tháng, đồng thời thay đổi cơ cấu lương công nhân từ trả cố định 150.000.000/tháng sang trả theo sản phẩm 200.000 đồng/sp, kết hợp với tăng chi phí quảng cáo thêm 150.000.000 đồng/tháng, điều này làm sản lượng tiêu thụ dự kiến tăng 20%. Nếu thực hiện chính sách trên sẽ làm lợi nhuận công ty ABC thay đổi như thế nào so với ban đầu.

- A. Tăng 30.000.000 đồng
 B. Giảm 30.000.000 đồng
 C. Tăng 60.000.000 đồng
 D. Giảm 60.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 16: random 1 trong 2 câu sau

Mục đích chính của lập dự toán ngân sách là:

- A. Hoạch định và kiểm soát
- B. Tăng trưởng doanh thu
- C. Tối ưu hóa chi phí
- D. Đánh giá hiệu quả hoạt động

ANSWER: A

Sự khác nhau giữa hoạch định và kiểm soát là:

- A. Hoạch định tập trung vào tương lai, trong khi kiểm soát tập trung vào hiện tại
- B. Hoạch định là về ngân sách, kiểm soát là về báo cáo
- C. Hoạch định chỉ cho các phòng ban, kiểm soát cho toàn bộ công ty
- D. Không có sự khác nhau

ANSWER: A

Câu 17: random 1 trong 2 câu sau

Lập dự toán tiêu thụ sản phẩm nhằm mục đích:

- A. Dự đoán số lượng sản phẩm sẽ bán trong kỳ
- B. Tính toán chi phí sản xuất
- C. Xác định mức chi phí bán hàng
- D. Đánh giá hiệu quả quảng cáo

ANSWER: A

Dự toán nguyên vật liệu trực tiếp là:

- A. Dự tính chi phí nguyên vật liệu cho sản xuất sản phẩm
- B. Dự tính chi phí lao động
- C. Dự tính chi phí quảng cáo
- D. Dự tính chi phí quản lý

ANSWER: A

Câu 18: random 1 trong 2 câu sau

Khối lượng hàng tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ là cơ sở để lập dự toán nào dưới đây

- A. Dự toán sản xuất
- B. Dự toán tiêu thụ
- C. Dự toán thu tiền bán hàng
- D. Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

ANSWER: A

Định mức thời gian sản xuất 1 đơn vị sản phẩm là cơ sở để lập dự toán nào dưới đây

- A. Dự toán chi phí nhân công trực tiếp
- B. Dự toán chi phí sản xuất chung
- C. Dự toán thu tiền bán hàng
- D. Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

ANSWER: A

Câu 19: random 1 trong 2 câu sau

Trong năm 2024, công ty ABC tiến hành lập dự toán ngân sách với các thông tin dưới đây.

+ Sản lượng tiêu thụ dự kiến năm 2024 như sau: quý I 2.000 sản phẩm, quý II 2.500 sản phẩm, quý III 3.000 sản phẩm, quý IV 4.000 sản phẩm.

+ Bên cạnh đó, để tránh tình trạng sản phẩm lưu kho quá lâu, dễ dẫn đến hư hỏng, công ty ABC quyết định sản lượng tồn kho cuối kỳ này bằng 20% sản lượng tiêu thụ dự kiến kỳ sau. Ngoài ra, sản lượng tồn kho cuối năm trước là 400 sản phẩm. Sản lượng tiêu thụ quý I năm sau là 2.800 sản phẩm.

Số lượng sản phẩm cần phải sản xuất quý II năm 2024 là:

- A. 2.600 sản phẩm
- B. 2.100 sản phẩm
- C. 3.200 sản phẩm
- D. 3.760 sản phẩm

ANSWER: A

Trong năm 2024, công ty ABC tiến hành lập dự toán ngân sách với các thông tin dưới đây.

+ Sản lượng tiêu thụ dự kiến năm 2024 như sau: quý I 2.000 sản phẩm, quý II 2.500 sản phẩm, quý III 3.000 sản phẩm, quý IV 4.000 sản phẩm.

+ Bên cạnh đó, để tránh tình trạng sản phẩm lưu kho quá lâu, dễ dẫn đến hư hỏng, công ty ABC quyết định sản lượng tồn kho cuối kỳ này bằng 20% sản lượng tiêu thụ dự kiến kỳ sau. Ngoài ra, sản lượng tồn kho cuối năm trước là 400 sản phẩm. Sản lượng tiêu thụ quý I năm sau là 2.800 sản phẩm.

Số lượng sản phẩm cần phải sản xuất quý III năm 2024 là:

- A. 3.200 sản phẩm
- B. 2.100 sản phẩm
- C. 2.600 sản phẩm
- D. 3.760 sản phẩm

ANSWER: A

Câu 20: random 1 trong 2 câu sau

Công ty Jet có doanh thu dự kiến cho 3 tháng cuối năm như sau: (đvt: 1,000 đồng)

- Tháng 10 100.000
- Tháng 11 80.000
- Tháng 12 60.000

Doanh số bán hàng tại Razz thường được thu như sau: 10% thu trong tháng bán hàng; 60% thu sau một tháng bán hàng; và 30% còn lại vào tháng thứ 2 sau bán hàng. Hãy xác định số tiền còn phải thu tại ngày 31/12?

- A. 78.000 nghìn đồng
- B. 54,000 nghìn đồng
- C. 108.000 nghìn đồng
- D. 24.000 nghìn đồng

ANSWER: A

Công ty Jar có doanh thu dự kiến cho 3 tháng cuối năm như sau: (đvt: 1,000 đồng)

- Tháng 10 100.000
- Tháng 11 80.000
- Tháng 12 60.000

Doanh số bán hàng tại Jar thường được thu như sau: 60% thu trong tháng bán hàng; 30% thu sau một tháng bán hàng; và 10% còn lại vào tháng thứ 2 sau bán hàng. Hãy xác định số tiền còn phải thu tại ngày 31/12?

- A. 32.000 nghìn đồng
- B. 24.000 nghìn đồng
- C. 36.000 nghìn đồng
- D. 42.000 nghìn đồng

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 21:

Công ty ABC trong năm 2023 có các số liệu như sau

- Doanh thu: 10.000.000.000 đồng, sản lượng bán 2.000 sp
- Biến phí đơn vị: 3.000.000 đồng/sản phẩm, tổng biến phí 6.000.000.000 đồng
- Định phí: 3.000.000.000 đồng

Trong năm 2024, công ty ABC tiến hành lập dự toán ngân sách với các thông tin dưới đây.

- Sản lượng tiêu thụ dự kiến năm 2024 như sau: quý I 500 sản phẩm, quý II 500 sản phẩm, quý III 700 sản phẩm, quý IV 600 sản phẩm. Biết rằng để kích cầu tiêu thụ sản phẩm, công ty ABC quyết định giữ nguyên giá bán như năm 2023.

- Bên cạnh đó, để tránh tình trạng sản phẩm lưu kho quá lâu, dễ dẫn đến hư hỏng, công ty ABC quyết định sản lượng tồn kho cuối kỳ này bằng 20% sản lượng tiêu thụ dự kiến kỳ sau. Ngoài ra, sản lượng tồn kho cuối năm trước (2023) là 200 sản phẩm. Sản lượng tiêu thụ quý I năm sau (2025) là 600 sản phẩm.

- Để phục vụ cho công tác sản xuất sản phẩm kịp thời, công ty ABC đưa ra quy định, lượng nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ này bằng 20% số lượng nguyên vật liệu cần cho sản xuất của kỳ sau. Nguyên vật liệu tồn kho đầu quý I là 1.100kg, nguyên vật liệu cần cho sản xuất quý I năm sau là 7.000kg. Đơn giá xuất và đơn giá mua nguyên vật liệu giống nhau là 200.000 đồng/kg; Định mức nguyên vật liệu là 10 kg/sản phẩm.

Yêu cầu

- a. Lập bảng kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 của công ty ABC dưới dạng số dư đảm phí. (1.0 điểm)
- b. Lập dự toán sản lượng sản xuất cho 4 quý của năm 2024 của công ty ABC. (1.0 điểm)
- c. Lập dự toán mua nguyên vật liệu và tính giá trị mua dự kiến cho 4 quý của năm 2024 của công ty ABC (1.0 điểm)

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phân câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		7.0	
Câu 1 – 20		0.35/câu	
II. Tự luận		3.0	

Câu 21: Nội dung 1	DVT: 1.000đ					1.0		
		Tổng	Đơn vị	%				
	Doanh thu	10.000.000.000	5.000.000	100%				
	Biên phí	6.000.000.000	3.000.000	60%				
	Số dư đảm phí	4.000.000.000	2.000.000	40%				
	Định phí	3.000.000.000						
	Lợi nhuận	1.000.000.000						
		(0.5đ)	(0.25đ)	(0.25đ)				
Nội dung 2	Dự toán sản lượng sản xuất cho 4 quý của năm 2024					1.0		
	Chỉ tiêu	Quý						Cả năm (sản phẩm)
		I	II	III	IV			
	Số lượng SP tiêu thụ	500	500	700	600			2.300
	Lượng SP tiêu thụ tồn kho cuối kỳ	100	140	120	120			120
	Lượng SP tồn kho đầu kỳ	200	100	140	120			200
	Lượng SP cần sản xuất	400	540	680	600			2.220
		(0.25đ)	(0.25đ)	(0.25đ)	(0.25đ)			
Nội dung 3	Dự toán tiêu thụ nguyên vật liệu cho 4 quý của năm 2024					1.0		
	Chỉ tiêu	Quý						Cả năm
		I	II	III	IV			
	KL sản phẩm sản xuất (SP)	400	540	680	600			2.220
	Định mức lượng NVL (kg)	10	10	10	10			10
	KL NVL cần cho sx (kg)	4.000	5.400	6.800	6.000			22.200
	NVL tồn cuối kỳ (kg)	1.080	1.360	1.200	1.400			1.400
	NVL tồn đầu kỳ (kg)	1.100	1.080	1.360	1.200			1.100
	NVL mua trong kỳ (kg)	3.980	5.680	6.640	6.200			22.500
	Đơn giá mua NVL (đồng/kg)	200.000	200.000	200.000	200.000			200.000
	Trị giá mua NVL (đồng)	796.000.000	1.136.000.000	1.328.000.000	1.240.000.000			4.500.000.000
		(0.25đ)	(0.25đ)	(0.25đ)	(0.25đ)			
	Điểm tổng					10.0		

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề

TS.Lê Phan Thanh Hòa

Ths. Huỳnh Đăng Thành

.